

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HÓA
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HSST
Ngày 25 - 01 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phúc Tuệ

Ông Trần Minh Khai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2019/TLST - HS ngày 10 tháng 01 năm 2019 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST - HS ngày 11/01/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Trần Q - Tên gọi khác: Không; sinh ngày: 16/4/1992 tại xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Chưa có; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H - Sinh năm 1964; con bà Trần Thị N - Sinh năm: 1964; có vợ: Lê Thị H - Sinh năm 1994; con: có 01 đứa con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Sinh ra và lớn lên được bố mẹ nuôi dưỡng và cho ăn học đến lớp 9/12 thì thôi học ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 2011 lập gia đình và sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/12/2018 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Bình. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Quảng Bình. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trần Q: Ông Hoàng Khắc C - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình, chi nhánh số 5.

Địa chỉ: Tiểu khu T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Bình. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 19/11/2018, Nguyễn Trần Q trú tại thôn Đ, xã S, huyện H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại HAYATE; màu sơn: Đen – Đỏ, BKS: 43C1 – 35584 đến nhà chị Nguyễn Thị T trú tại thôn B, xã T để lấy trộm tài sản. Quan sát nhà chị T không có người ở nhà, Q lén lút đột nhập vào phòng ngủ của chị T lấy trộm một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO – A3S vỏ màu đen của chị T đang sạc pin trên giường. Sau đó Q cất giấu điện thoại vào túi quần của mình rồi điều khiển xe mô tô về nhà. Đến ngày 20/11/2018 khi bị triệu tập làm việc, Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại lấy trộm để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 31/KL – HĐĐG ngày 27/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tuyên Hóa kết luận: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO – A3S, kiểu máy CPH1803, vỏ màu đen, có giá trị là: 3.505.500đ (ba triệu năm trăm linh năm nghìn năm trăm đồng).

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO – A3S, kiểu máy CPH1803, vỏ màu đen.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, Số loại HAYATE; màu sơn: Đen – Đỏ, BKS: 43C1 – 35584, số máy: F4E8109935, số khung: 43E000100821.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa đã trả lại tài sản cho chị Nguyễn Thị T một máy điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO – A3S màu đen.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên Q định truy tố Nguyễn Trần Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Trần Q từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án. Về trách nhiệm dân sự: người bị hại chị Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản của mình và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Về vật chứng vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS để trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại HAYATE; màu sơn: Đen – Đỏ, BKS: 43C1 – 35584 cho chị Lê Thị H là người quản lý hợp pháp.

Luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trần Q ông Hoàng Khắc C trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ

sau cho bị cáo: phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án tiền sự, phạm tội giản đơn, không có tổ chức không mang tính chất chuyên nghiệp, đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu và phía bị hại không có yêu cầu gì thêm, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thuộc diện hộ nghèo, bố bị cáo là người có công với cách mạng. Người bào chữa đồng ý với ý kiến của Kiểm sát viên về áp dụng các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 cho bị cáo để bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất là 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm vì gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo và trả lại tài sản là một chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại HAYATE; màu sơn: Đen – Đỏ, BKS: 43C1 – 35584 cho vợ bị cáo là chị Lê Thị Hương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình và Điều tra viên. Hành vi tố tụng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền. Quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó Hội đồng xét xử thấy các hành vi, Q định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của Nguyễn Trần Q: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Trần Q đã khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đó có căn cứ để khẳng định: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 19/11/2018, Nguyễn Trần Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại HAYATE; màu sơn: Đen – Đỏ, BKS: 43C1 – 35584 đến nhà chị Nguyễn Thị T trú tại thôn B, xã T để lấy trộm tài sản. Quan sát nhà chị T không có người ở nhà, Q lén lút đột nhập vào phòng ngủ của chị T lấy trộm một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO – A3S vỏ màu đen của chị T đang sạc pin trên giường. Sau đó Q cất giấu điện thoại vào túi quần của mình rồi điều khiển xe mô tô về nhà. Đến ngày 20/11/2018 khi bị triệu tập làm việc, Nguyễn Trần Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại lấy trộm để phục vụ công tác điều tra.

Giá trị tài sản mà Q đã lấy trộm là một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO – A3S có giá trị là 3.505.500đ (ba triệu năm trăm linh năm nghìn năm trăm

đồng) hành vi đó đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đúng như nội dung bản cáo trạng số: 07/CT-VKSTH-HS ngày 08/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa đã truy tố và lời phát biểu kết luận vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là lợi dụng sự quản lý sơ hở của chủ sở hữu đã lén lút lấy trộm tài sản của người khác để sử dụng phục vụ nhu cầu của bản thân, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để có mức án phù hợp với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục bị cáo và làm gương cho người khác.

Tại phiên tòa luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trần Q đã đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Nguyễn Trần Q được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” ngay giữa ban ngày, lợi dụng sơ hở của người khác để lấy trộm tài sản thể hiện sự liều lĩnh, táo bạo bất chấp tất cả để chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm mục đích có tài sản để phục vụ cá nhân. Do đó cần có một mức án tương xứng để giáo dục bị cáo trở thành người tiến bộ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của người bào chữa đối với bị cáo. Về án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án qui định “ a, Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm”, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đó là: Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội là không cần thiết mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để cho bị cáo được hưởng án treo là đúng với chính sách khoan hồng của Nhà nước. Giao bị cáo về cho chính quyền địa phương UBND xã S và gia đình phối hợp quản lý giáo dục như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp.

[6] Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa đã thu giữ vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO – A3S, kiểu máy CPH1803, vỏ màu đen; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu

SUZUKI, Số loại HAYATE; màu sơn: Đen – Đỏ, BKS: 43C1 – 35584, số máy: F4E8109935, số khung: 43E000100821.

Quá trình điều tra đã xác định được:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO – A3S, kiểu máy CPH1803, vỏ màu đen là của chị Nguyễn Thị T. Ngày 10/12/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa đã trả lại tài sản cho chị Nguyễn Thị T.

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, Số loại HAYATE; màu sơn: Đen – Đỏ, BKS: 43C1 – 35584, số máy: F4E8109935, số khung: 43E000100821 đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô là anh Nguyễn Thế T, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định được chiếc xe này là do vợ của bị cáo Nguyễn Trần Q là chị Lê Thị H mua của anh Nguyễn Thế T có giấy tờ mua bán vào ngày 12/06/2016 nên chủ sở hữu chiếc xe máy là chị H. Việc bị cáo Q sử dụng chiếc xe để làm phương tiện phạm tội thì chị Lê Thị H không biết, chị H có đơn xin nhận lại tài sản để phục vụ cho cuộc sống hàng ngày. Hội đồng xét xử xét thấy chiếc xe này là tài sản của chị Lê Thị H. Vì vậy cần áp dụng cần áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015 để trả lại tài sản cho chủ sở hữu là chị Lê Thị H, trú tại: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Quảng Bình là hợp lý.

[5] Trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản của mình và quá trình điều tra không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Trần Q phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trần Q phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Q 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/01/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Trần Q về cho UBND xã S, huyện H, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình quản lý, theo dõi trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Toà án có thể Q định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 trả lại 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, Số loại HAYATE; màu sơn: Đen – Đỏ, BKS: 43C1 – 35584, số máy: F4E8109935, số

khung: 43E00010082 cho chủ sở hữu là chị Lê Thị H, trú tại thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Quảng Bình.

Vật chứng này hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/01/2019 giữa Cơ quan Công an huyện Tuyên Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

3. Án phí Hình sự sơ thẩm: Nguyễn Trần Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại, có mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuyên bố bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/01/2019) riêng người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại trụ sở UBND xã T hoặc kể từ ngày nhận được bản sao bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- THADS huyện Tuyên Hóa;
- Công an huyện Tuyên Hóa;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Bị cáo.
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đoàn Thị Bích Thủy